

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 3 - 2023

V/v ly hôn giữa ông T và bà B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Thế B

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 30/11/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Triệu Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 12/10/1991. Quá trình vợ chung sống B thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mất lòng tin với nhau, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ tháng 10/2021 vợ chồng ông đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giữa ông và bà B có 02 con chung là Triệu Thế N, sinh ngày 27/9/1993 và Triệu Quốc H, sinh ngày 19/02/1996 hiện các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Triệu Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T nghi oan cho bà không chung thủy, ông T đi uống rượu về đốt quần áo, đánh đuổi bà đi, bà có khuyên ngăn nhưng không được. Từ ngày 28/11/2021 bà đến nhà con trai ở từ đó ông bà sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, ông T làm đơn xin ly hôn bà đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như ông T trình bày, hiện các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị B

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Triệu Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị B đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng do ông bà làm mất nên không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn theo quy định và UBND xã N xác nhận hiện nay không lưu giữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn

lập năm 1990. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu xác minh, thu thập chứng cứ các đương sự đều thừa nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 1991 theo đúng quy định của pháp luật và căn cứ sổ hộ khẩu gia đình số: 129 cấp ngày 15/12/1995 tại xã N ghi chủ hộ: Họ tên: Triệu Văn T, sinh năm 1968; quan hệ với chủ hộ: Vợ: Họ tên: Nguyễn Thị B, sinh năm 1967. Do vậy, có căn cứ xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu B thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng mất lòng tin, dẫn đến đánh chửi nhau, từ tháng 11/2021 đã sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông T và bà B không còn hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị B của ông Triệu Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà B có 02 con chung là Triệu Thê N, sinh ngày 27/9/1993 và Triệu Quốc H, sinh ngày 19/02/1996 hiện các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Ông Triệu Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí DSST: Ông Triệu Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai số 0004820 ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh